

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN TAM NÔNG  
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 40/2022/HS-ST  
Ngày 24-9-2022

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TAM NÔNG, TỈNH ĐỒNG THÁP**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Hứa Quang Thông

*Các Hội thẩm nhân dân:*

Ông Phan Ngọc Thành

Ông Lê Văn Sáng

***- Thư ký phiên tòa:*** Ông Nguyễn Hữu Nhân, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tam Nông, tỉnh Đồng Tháp.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tam Nông, tỉnh Đồng Tháp tham gia phiên tòa:*** Ông Trần Xuân Mạnh - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 9 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Đồng Tháp xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 41/2022/TLST-HS ngày 26 tháng 8 năm 2022 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 42/2022/QĐXXST-HS ngày 09 tháng 9 năm 2022, đối với:

***- Các bị cáo:***

1. Trần Văn G, sinh năm 1971; tên gọi khác: Không; nơi sinh: tỉnh Đồng Tháp; nơi cư trú: ấp A, xã P, huyện T, tỉnh Đồng Tháp; nghề nghiệp: Nấu rượu; trình độ học vấn: Không biết chữ; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Phật giáo Hòa Hảo; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Văn L, sinh năm 1927 (chết) và bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1927 (chết); có vợ Ngô Thị H, sinh năm 1971 và có 02 người con, lớn sinh năm 1992 và nhỏ sinh năm 2000; tiền án: Không; tiền sự: Ngày 17/5/2021, Công an xã P, huyện T xử phạt hành chính 1.500.000 đồng, về hành vi “Đánh bạc” (nộp phạt xong ngày 24/5/2021); tạm giữ: Không; tạm giam: không; Lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú số: 32/LCĐKNCT, ngày 07 tháng 6 năm 2022 của Công an huyện T.

Bị cáo hiện đang tại ngoại và có mặt tại phiên tòa.

2. Nguyễn Thị U, sinh năm 1979; tên gọi khác: Không; nơi sinh: tỉnh Đồng Tháp; nơi cư trú: ấp A, xã P, huyện T, tỉnh Đồng Tháp; nghề nghiệp: Bán vé số; trình độ học vấn: Không biết chữ; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Phật giáo Hòa Hảo; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn S, sinh năm 1935 (chết) và bà Đoàn Thị Q, sinh năm 1937 (chết); có chồng Trần Văn T, sinh năm 1976 và có 02 người con, lớn sinh năm 2000 và nhỏ sinh năm 2003; tiền án: Không; tiền sự: Ngày 01/8/2021, Công an xã P, huyện T xử phạt hành chính 1.500.000 đồng, về hành vi “Đánh bạc” (nộp phạt xong ngày 13/8/2021); tạm giữ: Không; tạm giam: không; Lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú số: 33/LCĐKNCT, ngày 07 tháng 6 năm 2022 của Công an huyện T.

Bị cáo hiện đang tại ngoại và có mặt tại phiên tòa.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:*

1. Lê Thị O, sinh năm 1969, *có đơn xin vắng mặt.*

Địa chỉ: ấp A, xã P, huyện T, tỉnh Đồng Tháp.

2. Võ Thị Bình, sinh năm 1960, *vắng mặt.*

Địa chỉ: ấp A, xã P, huyện T, tỉnh Đồng Tháp.

- *Người làm chứng:* Trần Văn Tỷ, sinh năm 1976, *có mặt.*

Địa chỉ: ấp A, xã P, huyện T, tỉnh Đồng Tháp.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 20 giờ ngày 29/3/2022, Trần Văn G, Nguyễn Thị U, Võ Thị B, Lê Thị O rủ nhau chơi đánh bạc được thua bằng tiền, tại nhà Trần Văn G thuộc ấp A, xã P. Hình thức chơi đánh bài tứ sắc, người tới quan thắng những người còn lại số tiền 20.000 đồng/người x 3 người = 60.000 đồng/ván, người tới quan bỏ ra chiếu bạc 5.000 đồng để trả tiền mua bài tứ sắc. Người tới chơ thắng số tiền 10.000 đồng/người x 3 người = 30.000 đồng/ván. Đến khoảng 21 giờ 30 phút cùng ngày, Công an xã P, huyện T bắt quả tang G, U, B và O đang đánh bạc được thua bằng tiền. Tang vật thu giữ tại chiếu bạc gồm: tiền Việt Nam 860.000 đồng; 01 bộ bài tứ sắc đã qua sử dụng; 01 chiếu lát;

Ngoài ra, còn thu giữ trên người: Võ Thị B tiền Việt Nam 130.000 đồng, dùng vào việc đánh bạc; Lê Thị O tiền Việt Nam 210.000 đồng, dùng vào việc đánh bạc.

Quá trình điều tra, đã chứng minh được Trần Văn G có tiền sự về hành vi đánh bạc: ngày 17/5/2021, Công an xã P, huyện T xử phạt hành chính 1.500.000 đồng, về hành vi “Đánh bạc” (Nộp phạt xong ngày 24/5/2021); Nguyễn Thị U có tiền sự về hành vi đánh bạc: ngày 01/8/2021, Công an xã P, huyện T xử phạt

hành chính 1.500.000 đồng, về hành vi “Đánh bạc” (Nộp phạt xong ngày 13/8/2021).

Tại Cơ quan điều tra G, U, B và O thừa nhận hành vi đánh bạc ăn thua bằng tiền, đã đánh 3 – 4 ván, bài đánh là Bình nhờ Phạm Thị Diễm M mua bài, đánh bạc không xâu tiền cho ai. Số tiền 860.000 đồng trên chiếu bạc của G, U, B và O dùng đánh bạc.

Tại Cáo trạng số: 42/CT-VKS-TN ngày 25 tháng 8 năm 2022 của Viện kiểm sát nhân dân huyện T đã truy tố bị cáo Trần Văn G và Nguyễn Thị U phạm tội “Đánh bạc” theo khoản 1 Điều 321 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa:

- Kiểm sát viên phân tích các tình tiết cấu thành tội phạm và khẳng định cáo trạng đã truy tố bị cáo là có căn cứ, đúng người, đúng tội. Căn cứ vào tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội, nhân thân bị cáo, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự.

Đề nghị Hội đồng xét xử:

Căn cứ khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 65 của Bộ luật Hình sự; tuyên bố bị cáo Trần Văn G, phạm tội “Đánh bạc” mức án từ 09 tháng đến 01 năm tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 01 năm 06 tháng đến 02 năm. Tình tiết tăng nặng: Không. Hình phạt bổ sung: Không.

Căn cứ khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 65 của Bộ luật Hình sự; tuyên bố bị cáo Nguyễn Thị U, phạm tội “Đánh bạc” mức án từ 09 tháng đến 01 năm tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 01 năm 06 tháng đến 02 năm. Tình tiết tăng nặng: Không. Hình phạt bổ sung: Không.

Về vật chứng: Giữ nguyên theo Cáo trạng.

- Bị cáo Trần Văn G khai: Thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội “Đánh bạc” như nội dung cáo trạng đã truy tố và luận tội của Kiểm sát viên. Bị cáo không tham gia tranh luận, bị cáo xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

- Bị cáo Nguyễn Thị U khai: Thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội “Đánh bạc” như nội dung cáo trạng đã truy tố và luận tội của Kiểm sát viên. Bị cáo không tham gia tranh luận, bị cáo xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện T, Điều tra viên; Viện kiểm sát nhân dân huyện T, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục được quy định trong Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, bị cáo không có

khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Lời khai của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo tại Cơ quan điều tra và phù hợp với các tài liệu chứng cứ sau: Biên bản bắt người phạm tội quả tang ngày 29/3/2022 của Công an xã P, huyện T; Tờ tự khai ngày 29/3/2022 của bị cáo U và bản tự khai ngày 29/3/2022 của bị cáo G; Lời khai người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, người làm chứng, cùng toàn bộ chứng cứ, tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa.

Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận: Bị cáo Trần Văn G bị Công an xã P, huyện T xử phạt vi phạm hành chính ngày 17/5/2021 số tiền 1.500.000 đồng về hành vi đánh bạc (nộp phạt xong ngày 24/5/2021) và bị cáo Nguyễn Thị U bị Công an xã P, huyện T xử phạt vi phạm hành chính ngày 01/8/2021 số tiền 1.500.000 đồng về hành vi đánh bạc (nộp phạt xong ngày 13/8/2021). Tiếp tục vào khoảng 21 giờ 30 phút, ngày 29/3/2022, tại nhà bị cáo G thuộc ấp A, xã P, Công an xã P, huyện T bắt quả tang bị cáo G và U cùng Võ Thị B, Lê Thị O đánh bạc được thua bằng tiền, số tiền dùng vào mục đích đánh bạc là 1.200.000đồng.

Tuy số tiền thu giữ trên chiếu bạc và trên người những người tham gia chơi dùng mục đích đánh bạc không đủ định lượng để truy cứu trách nhiệm hình sự, nhưng bản thân các bị cáo G và U đã có tiền sự về hành vi đánh bạc, đến ngày 29/3/2022 chưa hết thời hạn được coi là chưa bị xử lý vi phạm hành chính theo quy định tại khoản 1 Điều 7 và Điều 74 của Luật xử phạt vi phạm hành chính nhưng tiếp tục vi phạm. Vì vậy, các bị cáo G và U phải chịu trách nhiệm hình sự về tội “Đánh bạc” theo quy định của Bộ luật Hình sự đã quy định.

Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, gây mất ổn định an ninh trật tự ở địa phương, đã trực tiếp xâm phạm đến trật tự công cộng, đã đủ yếu tố cấu thành tội: “Đánh Bạc” theo khoản 1 Điều 321 của Bộ luật Hình sự mà Viện kiểm sát truy tố bị cáo hoàn toàn đúng người, đúng tội, đúng pháp luật, mức hình phạt theo điều luật quy định là tiền từ 20.000.000đồng đến 100.000.000đồng, phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm.

[3] Đánh bạc ăn thua bằng tiền là trái phép. Trong thời gian gần đây tệ nạn đánh bạc trái phép nhiều bằng hình thức như: đánh bài, số đề... diễn ra hết sức phức tạp, đang có chiều hướng gia tăng gây ra nhiều hậu quả xấu cho xã hội. Bản thân các bị cáo có đủ khả năng nhận thức được điều này nhưng vì thích cờ bạc và lười biếng lao động, cố ý thực hiện hành vi vi phạm pháp luật đã đưa các bị cáo đi đến con đường phạm tội nên cần thiết phải áp dụng mức hình phạt tương xứng với nhân thân, tính chất và mức độ hành vi phạm tội của các bị cáo.

Tuy nhiên, trong quá trình điều tra và tại phiên tòa;

Bị cáo G thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; có hoàn cảnh gia đình khó khăn và là lao động chính nên xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt theo quy định tại điểm i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Đối với bị cáo G khi lượng hình cần xem xét mức án cao hơn bị cáo Út. Bởi vì, địa điểm chơi đánh bạc trước sân nhà bị cáo G. Tình tiết tăng nặng: Không.

Bị cáo U thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; có hoàn cảnh gia đình khó khăn và là lao động chính, đang nuôi 01 người con bị khuyết tật và có chồng bị tật một chân nên xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt theo quy định tại điểm i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Tình tiết tăng nặng: Không.

Xét thấy, về ý thức và hành vi của các bị cáo không phải đánh bạc chuyên nghiệp ăn thua bằng tiền và số tiền đánh bạc không lớn mà do các bị cáo nhất thời ham vui nên dẫn đến phạm tội. Về nhân thân các bị cáo có nhân thân tốt, có nơi cư trú rõ ràng, có nhiều tình tiết giảm nhẹ và bị cáo có khả năng tự cải tạo nên không cần thiết phải cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian mà áp dụng hình phạt cho bị cáo hưởng án treo, giáo dục tại địa phương cũng đủ răn đe các bị cáo trở thành công dân tốt là phù hợp theo quy định tại Điều 65 của Bộ luật Hình sự.

[4] Hình phạt bổ sung: Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa xét thấy bản thân bị cáo G làm nghề nấu rượu và bị cáo U nghề bán vé số kiên thiết thu nhập thấp nên không áp dụng.

[5] Về vật chứng của vụ án:

Đối với số tiền thu giữ của Võ Thị B là 130.000 đồng, Lê Thị O là 210.000 đồng, dùng mục đích đánh bạc; thu giữ tại chiếu bạc số tiền 860.000đồng và 01 bộ bài tứ sắc, 01 chiếc chiếu lát, đã qua sử dụng. Xét thấy, vật chứng trên là chứng cứ phạm tội của các bị cáo nên tịch thu nộp ngân sách Nhà nước tổng số tiền dùng mục đích đánh bạc là 1.200.000đồng và tịch thu tiêu hủy 01 bộ bài tứ sắc, 01 chiếc chiếu lát, đã qua sử dụng là phù hợp theo điểm a khoản 2 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

[6] Đối với Lê Thị O và Võ Thị B tham gia đánh bạc ngày 29/3/2022 với các bị cáo G và Út, không có tiền án, tiền sự, tiền dùng đánh bạc dưới mức truy cứu trách nhiệm hình sự. Trong quá trình điều tra, Công an xã P, huyện T xử phạt hành chính về hành vi đánh bạc được thua bằng tiền theo quy định nên không xem xét.

[7] Đối với Phạm Thị Diễm M, sinh năm 2011 (11 tuổi) mua bài tứ sắc dùng Võ Thị B. Hiện nay, M cùng gia đình bỏ địa phương đi, Cơ quan điều tra không làm việc được và M không đủ tuổi chịu trách nhiệm hình sự nên không xem xét xử lý.

[8] *Về án phí*: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự và điểm a khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

*Vì các lẽ trên;*

## **QUYẾT ĐỊNH:**

**1.** Căn cứ khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 65 của Bộ luật Hình sự.

1.1. Tuyên bố bị cáo Trần Văn G, phạm tội: “Đánh bạc”.

Xử phạt bị cáo Trần Văn G 11 (mười một) tháng tù nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 01 (một) năm 10 (mười) tháng, kể từ ngày tuyên án (ngày 24/9/2022).

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể buộc người đó phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

Giao bị cáo Trần Văn G cho Ủy ban nhân dân xã P, huyện T, tỉnh Đồng Tháp để giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp cùng chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục bị cáo.

Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 92 của Luật Thi hành án hình sự năm 2019.

1.2. Tuyên bố bị cáo Nguyễn Thị U, phạm tội: “Đánh bạc”.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị U 09 (chín) tháng tù nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 01 (một) năm 06 (sáu) tháng, kể từ ngày tuyên án (ngày 24/9/2022).

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể buộc người đó phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

Giao bị cáo Nguyễn Thị Út cho Ủy ban nhân dân xã P, huyện T, tỉnh Đồng Tháp để giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp cùng chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục bị cáo.

Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 92 của Luật Thi hành án hình sự năm 2019.

**2.** Về vật chứng: Căn cứ điểm a khoản 2 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

2.1. Tịch thu tiêu hủy: 01 (một) bộ bài tứ sắc, đã qua sử dụng và 01 (một) chiếc chiếu lát, đã qua sử dụng.

2.2. Tịch thu nộp ngân sách Nhà nước: Tiền Việt Nam là 1.200.000đ (Một triệu, hai nghìn đồng).

(Tất cả vật chứng nêu trên Chi cục Thi hành án dân sự huyện T, tỉnh Đồng Tháp đang quản lý).

**3. Về án phí:** Căn cứ khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự và điểm a khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Bị cáo Trần Văn G phải chịu 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) tiền án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo Nguyễn Thị U phải chịu 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) tiền án phí hình sự sơ thẩm.

**4.** Bị cáo có quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Đồng Tháp;
- VKSND huyện T;
- VKSND tỉnh Đồng Tháp;
- Bị cáo;
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan;
- Cơ quan CSĐT Công an huyện T;
- Cơ quan THAHS Công an huyện T;
- Nhà tạm giữ Công an huyện T;
- Chi cục THADS huyện T;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**(ĐÃ KÝ)**

**Hứa Quang Thông**